

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh
Ông Phạm Quốc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc S, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 6, KP.A, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Bùi Hữu T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 6, KP.A, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản trình bày ý kiến ngày 06/10/2022, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc S trình bày:

Chị S và anh T sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên ăn nhậu, say xỉn về kể chuyện chửi bới, đánh đập chị S. Chị S đã cố gắng chung sống nhưng cảm thấy anh T không thay đổi, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị S có 01 người con chung tên Bùi Đỗ Đăng K – sinh năm 2018. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Hữu T trình bày:

Anh T và chị S, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, có tổ chức lễ cưới. Trong cuộc sống vợ chồng thì chỉ có xích mích nhỏ nhặt là nhiều khi anh T đi nhậu về thì vợ chồng nói qua lại rồi cãi nhau rồi có đánh chị S. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh T không đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con tên Bùi Đỗ Đăng K – sinh năm 2018. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị S được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung cho chị Sương trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Ngọc S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Hữu T cư trú tại KP.A, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị S theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Anh T và chị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân TT.T vào năm 2017. Mặc dù lời khai của các bên không thống nhất về thời gian mâu thuẫn nhưng theo lời trình bày của chị S là nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị S yêu cầu ly hôn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về đánh chửi vợ, tuy anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận có tháng anh T đi nhậu mười mấy ngày, và không biết tại sao nhậu say lại đánh vợ. Chị S cho rằng anh T không thể thay đổi và cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với anh T, hiện nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không cần thiết phải kéo dài cuộc hôn nhân này. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S về việc ly hôn với anh Bùi Hữu T.

Về con chung: Anh T, chị S có 01 người con tên Bùi Đỗ Đăng K – sinh năm 2018. Xét thấy, cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, hiện nay cháu K đang chung sống với chị Sg, chị S cũng cung cấp được chứng cứ về thu nhập hiện tại đủ điều kiện để chăm sóc cháu K, anh T cũng đồng ý để chị S được trực tiếp nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu K cho chị Sg trực tiếp chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Ngọc S và anh Bùi Hữu T

Giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Bùi Đỗ Đăng K, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Đỗ Thị Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc S phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014181 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Minh Hải